

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 5- 2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Oanh.
- Ông Nguyễn Hồng Diện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lãng Đức Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 19/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị L, sinh năm 1988 "vắng mặt"

Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang

Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang

- Bị đơn: Anh Lưu Trần H, sinh năm 1983 "vắng mặt".

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị **Tạ Thị L** trình bày: Chị và anh **Lưu Trần H** tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang** vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh **H** tại **thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang** để sinh sống. Quá trình chung sống, thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến anh chị thường xảy ra cãi vã, xô sát nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình trạng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên đầu năm 2023 chị **L** đã đưa hai con về nhà mẹ đẻ tại **thôn X, xã T** để sinh sống và anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm. Chị **L** nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh **H**.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung, cháu **Lưu Diệu L1**, sinh ngày 26/6/2007 và cháu **Lưu Mạnh H1**, sinh ngày 23/02/2011. Trong thời gian anh chị sống ly thân, chị **L** là người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Khi ly hôn, chị **L** có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và chị không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **H** không gửi bản tự khai, không cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của chị **L**. Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh **H** nhiều lần để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng anh **H** vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các biên bản xác minh ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với bà **Phạm Thị T** là mẹ đẻ của chị **L** và với đại diện **thôn M**, đại diện **UBND xã T** nơi chị **L** và anh **H** sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị **Tạ Thị L** và anh **Lưu Trần H** cùng nhau xây dựng gia đình và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang** vào tháng 01/2007 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn thì anh chị cùng nhau sinh sống tại **thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang**. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau. Đến năm 2020 thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến hai anh chị xảy ra xô sát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã

được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng anh chị không cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị **L** đã đưa hai con về nhà mẹ đẻ tại **thôn X, xã T** để sinh sống từ đầu năm 2023 và anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc ai người đấy làm. Về con chung, anh chị có hai con chung, cháu **Lưu Diệu L1**, sinh ngày 26/6/2007 và cháu **Lưu Mạnh H1**, sinh ngày 23/02/2011. Trong thời gian anh chị sống ly thân, chị **L** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu. Về tài sản chung, do anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chúng tôi không cung cấp thông tin.

Tại phiên tòa hôm nay, chị **L** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị **Tạ Thị L** được ly hôn anh **Lưu Trần H**. Việc nuôi con: Giao cháu **Lưu Diệu L1**, sinh ngày 26/6/2007 và cháu **Lưu Mạnh H1**, sinh ngày 23/02/2011 cho chị **L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị **Tạ Thị L** có đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn là anh **Lưu Trần H**, anh **Lưu Trần H** có nơi cư trú tại **thôn M, xã T, huyện B**, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Tạ Thị L** và anh **Lưu Trần H** xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên anh chị thường xảy ra xô sát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, việc ai người đẩy làm, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng anh **Lưu Trần H** không hợp tác để tham gia hòa giải. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị **Tạ Thị L** được ly hôn anh **Lưu Trần H**.

[2.2] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình chung sống, anh chị có hai con chung là cháu **Lưu Diệu L1**, sinh ngày 26/6/2007 và cháu **Lưu Mạnh H1**, sinh ngày 23/02/2011. Khi ly hôn, chị **L** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con và không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị **L** xuất phát từ tình cảm, vì lợi ích của con, trong thời gian anh chị sống ly thân chị **L** là người nuôi dưỡng hai cháu, bên cạnh đó các cháu **Lưu Diệu L1** và cháu **Lưu Mạnh H1** đều có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu được sống cùng mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai cháu cho chị **L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, **khoản 4 Điều 147**, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Tạ Thị L** được ly hôn anh **Lưu Trần H**.
2. Về việc nuôi con: Xử giao hai cháu **Lưu Diệu L1**, sinh ngày 26/6/2007 và cháu **Lưu Mạnh H1**, sinh ngày 23/02/2011 cho chị **Tạ Thị L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu **L1** và cháu **H1** đủ 18 tuổi, anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị **Tạ Thị L** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai thu số: 0003256, ngày 27/3/2023.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Tân Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Đinh Thị Hồng

